

Số: /TB-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Mời nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất
Gói mua sắm: Máy hấp tiệt trùng hơi nước

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm.

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-BVPSTG ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc phê duyệt chủ trương mua máy hấp tiệt trùng hơi nước;

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo mời các nhà cung cấp có đủ năng lực nộp Hồ sơ đề xuất, cụ thể như sau:

1. Thông tin chung về Bên mua

a) Đơn vị mua: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang; địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

b) Điện thoại: 02733 887 160; mã số thuế: 1200530091.

2. Phạm vi và yêu cầu của gói mua sắm

2.1. Tên gói mua sắm: Mua máy hấp tiệt trùng hơi nước.

2.2. Danh mục, số lượng: 01 máy hấp tiệt trùng hơi nước; nhãn hiệu ALOPS; model SS-210; nhà sản xuất Alops Co., Ltd; xuất xứ Hàn Quốc; năm sản xuất 2026; máy mới 100%, chưa qua sử dụng.

2.3. Phương án chia phần: Gói mua sắm không chia phần; nhà cung cấp phải chào đầy đủ toàn bộ thiết bị, cấu hình, phụ kiện và dịch vụ liên quan.

2.4. Yêu cầu kỹ thuật: Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông báo này. Gói mua sắm yêu cầu đúng nhãn hiệu ALOPS, model SS-210 theo chủ trương đã được phê duyệt; không chấp nhận chào model khác. Các thông số, cấu hình tại Phụ lục I là yêu cầu bắt buộc và là căn cứ đánh giá, thương thảo, ký hợp đồng, kiểm tra và nghiệm thu.

2.5. Phạm vi giá chào: Giá chào phải bao gồm toàn bộ thuế, phí, bảo hiểm hàng hóa, vận chuyển, bốc xếp, đưa máy vào vị trí, khảo sát, lắp đặt, kết nối điện - nước - thoát nước, chạy thử, đào tạo, bàn giao hồ sơ, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với bộ phận chịu áp lực nếu thuộc diện phải kiểm định, bảo

hành, bảo trì trong thời hạn cam kết và mọi chi phí cần thiết để thiết bị được nghiệm thu, đưa vào sử dụng an toàn. Nhà cung cấp không được yêu cầu thanh toán thêm các chi phí thuộc phạm vi này.

2.6. Tiến độ: Nhà cung cấp phải đề xuất tiến độ cụ thể; hoàn thành giao hàng, lắp đặt, vận hành thử, đào tạo và nghiệm thu trong thời hạn không quá 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian vận chuyển, nhập khẩu và thực hiện thủ tục liên quan đã được tính trong thời hạn này.

2.7. Địa điểm lắp đặt: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

3. Yêu cầu đối với hàng hóa và việc thực hiện

3.1. Thiết bị mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2026; nguyên đai, nguyên kiện; có nguồn gốc, xuất xứ và hồ sơ lưu hành hợp pháp tại Việt Nam. Thiết bị phải có Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành của thiết bị y tế mua do Bộ Y tế cấp.

3.2. Cung cấp đúng nhãn hiệu, model, xuất xứ, thông số, cấu hình và phụ kiện; không được thay đổi nếu chưa có văn bản chấp thuận của Bệnh viện.

3.3. Nhà cung cấp phải khảo sát vị trí lắp đặt trước khi nộp Hồ sơ đề xuất hoặc cam kết chịu trách nhiệm về tính phù hợp của phương án lắp đặt với hạ tầng điện, nước, thoát nước, nền đặt máy và lối vận chuyển thực tế.

3.4. Việc lắp đặt, kết nối, vận hành thử và đào tạo phải do nhân sự đủ năng lực thực hiện; bảo đảm an toàn thiết bị, an toàn điện, an toàn áp lực và không làm ảnh hưởng hoạt động chuyên môn của Bệnh viện.

3.5. Thời hạn bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành, nhà cung cấp phải tiếp nhận thông tin sự cố trong vòng 04 giờ làm việc, có mặt hoặc hỗ trợ xử lý phù hợp trong vòng 24 giờ và hoàn thành khắc phục trong thời hạn do hai bên thống nhất theo tính chất sự cố.

3.6. Nhà cung cấp phải cam kết khả năng bảo trì và cung cấp linh kiện, vật tư thay thế tối thiểu 05 năm kể từ ngày nghiệm thu.

3.7. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp phải gửi tiến độ chi tiết gồm các mốc đặt hàng/sản xuất, vận chuyển, nhập khẩu, giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo và nghiệm thu; định kỳ hoặc khi có nguy cơ chậm tiến độ phải cập nhật và báo cáo Bệnh viện bằng văn bản.

3.8. Phải có giấy phép nhập khẩu Máy hấp tiệt trùng; phải cung cấp thông số áp suất làm việc, hồ sơ/lý lịch buồng hấp; trường hợp thuộc danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thì phải tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu, bàn giao biên bản, giấy chứng nhận và tem kiểm định còn hiệu lực trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp

4.1. Có tư cách pháp lý hợp lệ, đang hoạt động theo quy định; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với thiết bị chào cung cấp.

4.2. Có khả năng cung cấp đúng thiết bị, cấu hình, chất lượng và tiến độ; có nguồn cung hợp pháp và nhân sự kỹ thuật đáp ứng việc khảo sát, lắp đặt, đào tạo, bảo hành, bảo trì.

4.3. Kinh nghiệm cung cấp, lắp đặt thiết bị tiết trùng hơi nước hoặc thiết bị y tế có tính chất, quy mô tương tự được đánh giá, chấm điểm theo Phụ lục III. Hợp đồng tương tự không phải là điều kiện loại trừ nếu nhà cung cấp vẫn chứng minh được nguồn cung và khả năng thực hiện gói mua sắm.

4.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ thông tin, tài liệu trong Hồ sơ đề xuất.

5. Thành phần Hồ sơ đề xuất

ST T	Thành phần	Nội dung yêu cầu
1	Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất và báo giá	Theo Phụ lục II; do người đại diện hợp pháp ký, đóng dấu.
2	Hồ sơ pháp lý nhà cung cấp	Đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương; tài liệu chứng minh ngành nghề phù hợp.
3	Báo giá chi tiết	Tên thiết bị, nhãn hiệu, model, xuất xứ, năm sản xuất, cấu hình, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế và toàn bộ chi phí; hiệu lực tối thiểu 90 ngày.
4	Hồ sơ pháp lý thiết bị	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành của Bộ Y tế cấp; hồ sơ pháp lý có liên quan.
5	Tài liệu kỹ thuật	Catalogue gốc và bản tiếng Việt/bản dịch; bảng đáp ứng kỹ thuật có dẫn chiếu trang, mục của tài liệu chứng minh; xác nhận của nhà sản xuất/chủ sở hữu sản phẩm đối với nội dung catalogue chưa thể hiện.
6	Tài liệu về nguồn cung	Ủy quyền bán hàng, ủy quyền phân phối, xác nhận của hãng/chủ sở hữu sản phẩm hoặc tài liệu hợp pháp khác chứng minh khả năng cung cấp.
7	Năng lực, kinh nghiệm	Hồ sơ năng lực; tài liệu chứng minh hợp đồng tương tự; thông tin nhân sự kỹ thuật.
8	Hồ sơ thiết bị chịu áp lực	Thông số áp suất làm việc; hồ sơ, lý lịch buồng hấp; cam kết thực hiện và bàn giao kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động lần đầu nếu thuộc diện phải kiểm định.

ST T	Thành phần	Nội dung yêu cầu
9	Phương án thực hiện	Tiến độ; khảo sát, vận chuyển, lắp đặt, chạy thử, đào tạo; bảo hành, bảo trì; thời gian phản hồi và khắc phục sự cố; cung cấp linh kiện.
10	Tài liệu khác	Tài liệu nhà cung cấp thấy cần thiết để chứng minh phương án cung cấp.

Nhà cung cấp nộp 01 bộ Hồ sơ đề xuất bản giấy, được đóng gói, dán kín và niêm phong. Hồ sơ không đáp ứng điều kiện bắt buộc hoặc nộp sau thời hạn không được đưa vào chấm điểm, trừ trường hợp Bệnh viện thông báo gia hạn.

6. Nguyên tắc và tiêu chí đánh giá

6.1. Hồ sơ đề xuất được đánh giá qua hai bước: (i) đánh giá điều kiện bắt buộc theo phương pháp đạt/không đạt; (ii) chấm điểm đối với hồ sơ đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc.

6.2. Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn phải đạt tối thiểu 70/100 điểm và có tổng điểm cao nhất. Trường hợp chỉ có 01 nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất, nhà cung cấp đó vẫn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện bắt buộc, đạt tối thiểu 70/100 điểm và có giá hợp lý so với dự toán, mặt bằng thị trường.

6.3. Cơ cấu điểm: chất lượng, kỹ thuật thiết bị 40 điểm; cung ứng, giao nhận, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật 20 điểm; kinh nghiệm, năng lực 10 điểm; giá 30 điểm. Chi tiết tại Phụ lục III.

6.4. Điểm giá được tính theo giá trung bình hợp lệ. Giá chào thấp bất thường phải được giải trình; trường hợp có cơ sở tiếp tục xem xét, Bệnh viện được áp dụng điều kiện kiểm soát rủi ro trong thương thảo và hợp đồng.

6.5. Bệnh viện không lựa chọn nhà cung cấp chỉ căn cứ vào giá thấp nhất. Giám đốc Bệnh viện có quyền không lựa chọn hoặc hủy việc mua sắm nếu hồ sơ không đáp ứng, giá không hợp lý hoặc việc mua sắm không còn phù hợp nhu cầu thực tế.

7. Thời hạn và địa điểm nhận Hồ sơ đề xuất

7.1. Thời hạn nộp: **Trước 11 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 9 năm 2026.**

7.2. Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính; hồ sơ phải được đóng gói, dán kín, niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp.

7.3. Địa điểm nhận: Phòng Tổ chức - Hành chính (Bộ phận Văn thư), Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp. Điện thoại liên hệ: 02733.887160

7.4. Nhà cung cấp được bổ sung, thay thế Hồ sơ đề xuất trước thời hạn nộp. Trong quá trình đánh giá, Bệnh viện có thể yêu cầu làm rõ bằng văn bản; việc

làm rõ không được thay đổi thiết bị chào, giá chào hoặc bản chất Hồ sơ đề xuất.

7.5. Trường hợp cần thiết, Bệnh viện sửa đổi, bổ sung Thông báo bằng văn bản và công khai theo cùng phương thức phát hành; thời hạn nộp Hồ sơ đề xuất được gia hạn tương ứng nếu nội dung sửa đổi ảnh hưởng đến việc chuẩn bị hồ sơ.

8. Hiệu lực Hồ sơ đề xuất và chi phí tham dự

8.1. Hồ sơ đề xuất và báo giá có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

8.2. Mọi chi phí lập và nộp Hồ sơ đề xuất do nhà cung cấp tự chịu; Bệnh viện không hoàn trả Hồ sơ đề xuất đã nộp.

8.3. Mọi điều kiện riêng do nhà cung cấp ghi trong báo giá hoặc Hồ sơ đề xuất trái với Thông báo, yêu cầu kỹ thuật hoặc Dự thảo hợp đồng không mặc nhiên có hiệu lực. Nội dung khác biệt chỉ được áp dụng khi được Bệnh viện chấp thuận bằng văn bản trong quá trình thương thảo và được ghi nhận trong hợp đồng.

9. Trách nhiệm của nhà cung cấp

Nhà cung cấp không được thông đồng, thỏa thuận với nhà cung cấp khác nhằm nâng giá, ép giá hoặc làm sai lệch kết quả; không thay đổi nhãn hiệu, model, xuất xứ, cấu hình, thông số khi chưa có văn bản chấp thuận. Trường hợp phát hiện tài liệu không trung thực, hàng hóa không đúng cam kết hoặc không bảo đảm khả năng thực hiện, Bệnh viện có quyền từ chối lựa chọn, hủy kết quả, chấm dứt hợp đồng và xử lý theo quy định.

10. Tài liệu kèm theo

Phụ lục I: Danh mục, cấu hình và đặc tính kỹ thuật thiết bị;

Phụ lục II: Mẫu Văn bản nộp Hồ sơ đề xuất, báo giá và Bảng đáp ứng kỹ thuật;

Phụ lục III: Tiêu chí và Mẫu Bảng đánh giá, chấm điểm Hồ sơ đề xuất;

Phụ lục IV: Dự thảo Hợp đồng mua bán thiết bị.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng thông báo và mời các nhà cung cấp quan tâm nộp Hồ sơ đề xuất theo nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phổ biến rộng rãi;
- Trang thông tin điện tử Bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC I
DANH MỤC, CẤU HÌNH VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
Máy hấp tiệt trùng hơi nước ALOPS, model SS-210
(Kèm theo Thông báo số/TB-BVPSTG ngày tháng 8 năm 2026
của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang)

STT	Nhóm yêu cầu	Yêu cầu kỹ thuật bắt buộc
1	Nhận diện và tình trạng	Máy hấp tiệt trùng hơi nước loại lớn, áp suất cao; nhãn hiệu ALOPS; model SS-210 (catalogue thể hiện SS210); nhà sản xuất Alops Co., Ltd; xuất xứ Hàn Quốc; số lượng 01 máy; sản xuất năm 2026; mới 100%, chưa qua sử dụng.
2	Buồng tiệt trùng	Thể tích 210 lít; kích thước $\varnothing 480 \times$ dài 1.130 mm; chiều dày buồng 5 mm theo catalogue gốc. Vật liệu thép không gỉ SUS 316 theo cấu hình lựa chọn; nhà cung cấp phải có tài liệu kỹ thuật hoặc xác nhận hợp lệ của nhà sản xuất/chủ sở hữu sản phẩm.
3	Kích thước, khối lượng	Kích thước tổng thể 730 (rộng) $\times$ 1.500 (cao) $\times$ 1.300 (sâu) mm; trọng lượng khoảng 460 kg.
4	Khay và kết cấu di chuyển của thiết bị	Khay dụng cụ 240 (rộng) $\times$ 930 (dài) mm, 01 cái theo catalogue; có 04 bánh xe di chuyển và 04 chân chống cố định theo cấu hình lựa chọn, phải có tài liệu xác nhận.
5	Cửa và gioăng	Khóa cửa an toàn dạng tròn xuyên tâm; chỉ mở khi áp suất buồng ở mức an toàn; gioăng cửa silicon lắp sẵn.
6	Điều khiển, màn hình	Điều khiển bằng vi xử lý; màn hình LCD cảm ứng màu 7 inch; giao diện có các nhóm vận hành tự động, tự kiểm tra/tự chẩn đoán, bảo trì và cài đặt.
7	Chương trình người dùng	Cho phép cài đặt/chỉnh thông số trong phạm vi nhà sản xuất cho phép; hiển thị thời gian thực nhiệt độ, áp suất, thời gian từng giai đoạn và tổng thời gian còn lại.
8	Kiểm soát áp suất và nhiệt độ	Cảm biến áp suất kỹ thuật số và vi xử lý kiểm soát chính xác áp suất buồng, áp suất áo gia nhiệt và nhiệt độ; có đồng hồ áp suất cơ học cho buồng và áo gia nhiệt.
9	Dải nhiệt độ	Từ 110°C đến 135°C.
10	Tạo chân không, tạo hơi và sấy	Chu trình tạo chân không trước (Pre-Vacuum); bộ tạo hơi tích hợp; sấy bằng bộ đẩy hơi nước Steam Ejector để loại bỏ hơi nước còn sót lại; chu trình hoàn toàn tự động.
11	Trình tự chu trình	Khởi động $\rightarrow$ tạo chân không trước $\rightarrow$ gia nhiệt $\rightarrow$ tiệt trùng $\rightarrow$ xả $\rightarrow$ sấy $\rightarrow$ hoàn tất; có kiểm soát phòng ngừa chu trình không hoàn tất.

STT	Nhóm yêu cầu	Yêu cầu kỹ thuật bắt buộc
12	Chương trình mặc định	Có 06 chế độ theo catalogue: dụng cụ 132°C/15 phút, sấy 20 phút; đồ đóng gói 132°C/20 phút, sấy 30 phút; găng 121°C/20 phút, sấy 20 phút; chất lỏng 121°C/30 phút, không sấy; kiểm tra rò chân không; chương trình USER. Nhà cung cấp phải xác nhận thông số chính xác của chương trình kiểm tra rò chân không.
13	Chương trình USER	Áp suất cài đặt 1,2-2,1 kgf/cm ² ; nhiệt độ 121-134°C; thời gian tiệt trùng 0-60 phút; thời gian sấy 0-60 phút.
14	An toàn và cảnh báo	Hệ thống báo lỗi/báo động; van an toàn áp suất; tự chẩn đoán; cảnh báo khi hoàn tất. Van bi xả khí khi mất điện đột ngột thuộc cấu hình lựa chọn và phải có tài liệu xác nhận.
15	Nguồn điện	Theo cấu hình lựa chọn: điện trở nhiệt dùng nguồn 3 pha, 380 VAC, 50/60 Hz, công suất 11 kW; bơm nước và bộ điều khiển dùng nguồn 1 pha, 220 VAC, 50/60 Hz. Nhà cung cấp phải xác nhận sự phù hợp với catalogue và cấu hình thiết bị chào.
16	Điều kiện cấp nước, môi trường	Áp lực nước cấp 1-3 kgf/cm ² theo cấu hình lựa chọn; nhiệt độ môi trường 10-40°C và độ ẩm tương đối 30-75% theo catalogue.
17	Cấu hình đồng bộ	Máy chính 01; bộ tạo hơi tích hợp 01; bơm nước 01; Steam Ejector 01; van xả 01; van an toàn 01; gioăng cửa silicon 01; khay dụng cụ 01; dây nguồn/kết nối điện phù hợp 01 bộ; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo trì 01 bộ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch tiếng Việt.
18	Khảo sát, giao hàng, lắp đặt	Khảo sát hạ tầng; vận chuyển và đưa máy vào vị trí; kết nối điện, cấp nước, thoát nước; lắp đặt hoàn chỉnh; thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết.
19	Vận hành thử và đào tạo	Kiểm tra kỹ thuật, chạy thử các chương trình, hiển thị, cảnh báo, khóa cửa, tạo hơi, chân không, sấy và chức năng an toàn; đào tạo trực tiếp cho nhân viên về vận hành, theo dõi chu trình, xử lý cảnh báo, vệ sinh và bảo trì thường quy.
20	Bảo hành, bảo trì	Bảo hành tối thiểu 12 tháng; có kế hoạch bảo trì; tiếp nhận sự cố trong 04 giờ làm việc, hỗ trợ/có mặt xử lý trong 24 giờ; cam kết cung cấp linh kiện, vật tư thay thế tối thiểu 05 năm.
21	Hồ sơ pháp lý và bàn giao	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành của Bộ Y tế cấp; tài liệu phân loại loại C; catalogue gốc và bản dịch; CO/CQ đối với thiết bị nhập khẩu; phiếu bảo hành; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo trì; biên bản lắp đặt, chạy thử, đào tạo và các tài liệu liên quan.
22	An toàn thiết bị chịu áp lực	Cung cấp thông số áp suất làm việc, hồ sơ/lý lịch buồng hấp. Trường hợp thuộc diện phải kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, phải hoàn thành kiểm định lần đầu và bàn giao biên bản, giấy chứng nhận, tem kiểm định còn hiệu lực trước khi nghiệm thu.

STT	Nhóm yêu cầu	Yêu cầu kỹ thuật bắt buộc
23	Điều kiện nghiệm thu	Đúng nhãn hiệu, model, nhà sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất, số lượng, thông số và cấu hình; đủ phụ kiện, hồ sơ; lắp đặt hoàn chỉnh; chạy thử đạt; chức năng an toàn hoạt động; hoàn thành đào tạo; hoàn thành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động nếu thuộc diện phải kiểm định.

Căn cứ kỹ thuật và pháp lý: Catalogue gốc Steam Sterilizer SS105/SS210 do MEDIPARTNER phát hành; cấu hình SS-210 Bệnh viện lựa chọn; Giấy chứng nhận xác nhận máy hấp tiệt trùng loại C, chủng loại SS210, chủ sở hữu thiết bị và cơ sở sản xuất là Alops Co., Ltd, nước sản xuất Hàn Quốc. Các thông số nhận diện, kích thước, buồng, khay, nhiệt độ, điều khiển, hệ thống sấy, chu trình, nguồn điện, khối lượng và chương trình vận hành phải phù hợp catalogue gốc. Nội dung cấu hình lựa chọn hoặc không thể hiện trực tiếp trong catalogue phải có tài liệu kỹ thuật hoặc xác nhận hợp lệ của nhà sản xuất/chủ sở hữu sản phẩm hoặc thực tế hoạt động của thiết bị.

Máy in nhiệt, kiểm tra Helix và Bowie-Dick được catalogue xác định là tùy chọn, không thuộc cấu hình bắt buộc của gói mua sắm. Cấu hình sấy Bệnh viện lựa chọn là bộ đẩy hơi nước Steam Ejector, không phải bơm chân không.

PHỤ LỤC II
MẪU VĂN BẢN NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ BÁO GIÁ
Gói mua sắm máy hấp tiệt trùng hơi nước

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.

Sau khi nghiên cứu Thông báo, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chí đánh giá và Dự thảo hợp đồng, chúng tôi nộp Hồ sơ đề xuất với nội dung sau:

I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Nội dung	Thông tin kê khai
Tên nhà cung cấp	
Địa chỉ trụ sở	
Mã số thuế	
Điện thoại/Email	
Người đại diện theo pháp luật/Chức vụ	
Tài khoản ngân hàng	

II. BÁO GIÁ

ST T	Tên hàng hóa	Nhãn hiệu/Model	Xuất xứ	ĐV T	S L	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy hấp tiệt trùng hơi nước	ALOPS/SS-210	Hàn Quốc	Máy	01		

Tổng giá trị báo giá: đồng.

Bằng chữ:

Giá đã bao gồm thuế GTGT và toàn bộ chi phí quy định tại Mục 2.5 của Thông báo. Hiệu lực báo giá: ngày, nhưng không ít hơn 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

III. BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

ST T	Nhóm yêu cầu	Yêu cầu của Bệnh viện	Thông số chào/Đáp ứng	Dẫn chiếu tài liệu
1	Nhận diện và tình trạng	Máy hấp tiệt trùng hơi nước loại lớn, áp suất cao; nhãn hiệu ALOPS; model SS-210 (catalogue thể hiện SS210); nhà sản xuất Alops Co., Ltd; xuất xứ Hàn Quốc; số lượng 01 máy; sản xuất năm 2026; mới 100%, chưa qua sử dụng.		

ST T	Nhóm yêu cầu	Yêu cầu của Bệnh viện	Thông số chào/Đáp ứng	Dẫn chiếu tài liệu
2	Buồng tiết trùng	Thể tích 210 lít; kích thước Ø480 × dài 1.130 mm; chiều dày buồng 5 mm theo catalogue gốc. Vật liệu thép không gỉ SUS 316 theo cấu hình lựa chọn; nhà cung cấp phải có tài liệu kỹ thuật hoặc xác nhận hợp lệ của nhà sản xuất/chủ sở hữu sản phẩm.		
3	Kích thước, khối lượng	Kích thước tổng thể 730 (rộng) × 1.500 (cao) × 1.300 (sâu) mm; trọng lượng khoảng 460 kg.		
4	Khay và kết cấu di chuyển	Khay dụng cụ 240 (rộng) × 930 (dài) mm, 01 cái theo catalogue; có 04 bánh xe di chuyển và 04 chân chống cố định theo cấu hình lựa chọn, phải có tài liệu xác nhận.		
5	Cửa và gioăng	Khóa cửa an toàn dạng tròn xuyên tâm; chỉ mở khi áp suất buồng ở mức an toàn; gioăng cửa silicon lắp sẵn.		
6	Điều khiển, màn hình	Điều khiển bằng vi xử lý; màn hình LCD cảm ứng màu 7 inch; giao diện có các nhóm vận hành tự động, tự kiểm tra/tự chẩn đoán, bảo trì và cài đặt.		
7	Chương trình người dùng	Cho phép cài đặt/chỉnh thông số trong phạm vi nhà sản xuất cho phép; hiển thị thời gian thực nhiệt độ, áp suất, thời gian từng giai đoạn và tổng thời gian còn lại.		
8	Kiểm soát áp suất và nhiệt độ	Cảm biến áp suất kỹ thuật số và vi xử lý kiểm soát chính xác áp suất buồng, áp suất áo gia nhiệt và nhiệt độ; có đồng hồ áp suất cơ học cho buồng và áo gia nhiệt.		
9	Dải nhiệt độ	Từ 110°C đến 135°C.		
10	Tạo chân không, tạo hơi và sấy	Chu trình tạo chân không trước (Pre-Vacuum); bộ tạo hơi tích hợp; sấy bằng bộ đẩy hơi nước Steam Ejector để loại bỏ hơi nước còn sót lại; chu trình hoàn toàn tự động.		
11	Trình tự chu trình	Khởi động → tạo chân không trước → gia nhiệt → tiết trùng → xả → sấy → hoàn tất; có kiểm soát phòng ngừa chu trình không hoàn tất.		

ST T	Nhóm yêu cầu	Yêu cầu của Bệnh viện	Thông số chào/Đáp ứng	Dẫn chiếu tài liệu
12	Chương trình mặc định	Có 06 chế độ theo catalogue: dụng cụ 132°C/15 phút, sấy 20 phút; đồ đóng gói 132°C/20 phút, sấy 30 phút; găng 121°C/20 phút, sấy 20 phút; chất lỏng 121°C/30 phút, không sấy; kiểm tra rò chân không; chương trình USER. Nhà cung cấp phải xác nhận thông số chính xác của chương trình kiểm tra rò chân không.		
13	Chương trình USER	Áp suất cài đặt 1,2-2,1 kgf/cm ² ; nhiệt độ 121-134°C; thời gian tiệt trùng 0-60 phút; thời gian sấy 0-60 phút.		
14	An toàn và cảnh báo	Hệ thống báo lỗi/báo động; van an toàn áp suất; tự chẩn đoán; cảnh báo khi hoàn tất. Van bị xả khí khi mất điện đột ngột thuộc cấu hình lựa chọn và phải có tài liệu xác nhận.		
15	Nguồn điện	Theo cấu hình lựa chọn: điện trở nhiệt dùng nguồn 3 pha, 380 VAC, 50/60 Hz, công suất 11 kW; bơm nước và bộ điều khiển dùng nguồn 1 pha, 220 VAC, 50/60 Hz. Nhà cung cấp phải xác nhận sự phù hợp với catalogue và cấu hình thiết bị chào.		
16	Điều kiện cấp nước, môi trường	Áp lực nước cấp 1-3 kgf/cm ² theo cấu hình lựa chọn; nhiệt độ môi trường 10-40°C và độ ẩm tương đối 30-75% theo catalogue.		
17	Cấu hình đồng bộ	Máy chính 01; bộ tạo hơi tích hợp 01; bơm nước 01; Steam Ejector 01; van xả 01; van an toàn 01; gioăng cửa silicon 01; khay dụng cụ 01; dây nguồn/kết nối điện phù hợp 01 bộ; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành và bảo trì 01 bộ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch tiếng Việt.		
18	Khảo sát, giao hàng, lắp đặt	Khảo sát hạ tầng; vận chuyển và đưa máy vào vị trí; kết nối điện, cấp nước, thoát nước; lắp đặt hoàn chỉnh; thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết.		

ST T	Nhóm yêu cầu	Yêu cầu của Bệnh viện	Thông số chào/Đáp ứng	Dẫn chiếu tài liệu
19	Vận hành thử và đào tạo	Kiểm tra kỹ thuật, chạy thử các chương trình, hiển thị, cảnh báo, khóa cửa, tạo hơi, chân không, sấy và chức năng an toàn; đào tạo trực tiếp cho nhân viên về vận hành, theo dõi chu trình, xử lý cảnh báo, vệ sinh và bảo trì thường quy.		
20	Bảo hành, bảo trì	Bảo hành tối thiểu 12 tháng; có kế hoạch bảo trì; tiếp nhận sự cố trong 04 giờ làm việc, hỗ trợ/có mặt xử lý trong 24 giờ; cam kết cung cấp linh kiện, vật tư thay thế tối thiểu 05 năm.		
21	Hồ sơ pháp lý và bàn giao	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành Bộ Y tế cấp; catalogue gốc và bản dịch; CO/CQ đối với thiết bị nhập khẩu; phiếu bảo hành; hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo trì; biên bản lắp đặt, chạy thử, đào tạo và các tài liệu liên quan.		
22	An toàn thiết bị chịu áp lực	Cung cấp thông số áp suất làm việc, hồ sơ/lý lịch buồng hấp. Trường hợp thuộc diện phải kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, phải hoàn thành kiểm định lần đầu và bàn giao biên bản, giấy chứng nhận, tem kiểm định còn hiệu lực trước khi nghiệm thu.		
23	Điều kiện nghiệm thu	Đúng nhãn hiệu, model, nhà sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất, số lượng, thông số và cấu hình; đủ phụ kiện, hồ sơ; lắp đặt hoàn chỉnh; chạy thử đạt; chức năng an toàn hoạt động; hoàn thành đào tạo; hoàn thành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động nếu thuộc diện phải kiểm định.		

IV. CAM KẾT

1. Thiết bị chào cung cấp mới 100%, đúng nhãn hiệu, model, xuất xứ, cấu hình, thông số và hồ sơ pháp lý như Hồ sơ đề xuất.

2. Giá chào là giá trọn gói; không yêu cầu Bệnh viện thanh toán thêm chi phí để hoàn thành giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo, nghiệm thu và bảo hành theo yêu cầu.

3. Cung cấp đúng tiến độ; bảo hành, bảo trì, khắc phục sự cố và cung cấp linh kiện theo cam kết.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bệnh viện về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của toàn bộ tài liệu; không thông đồng hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

5. Chấp thuận nguyên tắc thanh toán, bảo hành, tiến độ và các điều kiện chính của Dự thảo hợp đồng. Các điều kiện riêng trong báo giá/Hồ sơ đề xuất trái với Thông báo hoặc Dự thảo hợp đồng không mặc nhiên có hiệu lực nếu chưa được Bệnh viện chấp thuận bằng văn bản.

6. Nếu được lựa chọn, Hồ sơ đề xuất và kết quả thương thảo là bộ phận không tách rời của hợp đồng./.

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC III
TIÊU CHÍ VÀ MẪU BẢNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

I. ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC (ĐẠT/KHÔNG ĐẠT)

ST T	Điều kiện bắt buộc	Kết quả	Tài liệu căn cứ/Nhận xét
1	Tư cách pháp lý hợp lệ; ngành nghề kinh doanh phù hợp; nhà cung cấp đang hoạt động theo quy định.		
2	Thiết bị có Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp; hồ sơ pháp lý hợp lệ, phù hợp model SS210.		
3	Chào đúng máy ALOPS SS-210, xuất xứ Hàn Quốc; đáp ứng toàn bộ yêu cầu kỹ thuật bắt buộc tại Phụ lục I.		
4	Thiết bị mới 100%, chưa qua sử dụng; kê khai rõ năm sản xuất; đầy đủ cấu hình, phụ kiện và hồ sơ.		
5	Tiến độ giao hàng, lắp đặt, vận hành thử, đào tạo và nghiệm thu không quá 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.		
6	Bảo hành tối thiểu 12 tháng; có cam kết lắp đặt, chạy thử, đào tạo, bảo trì và khắc phục sự cố.		
7	Báo giá hợp lệ, còn hiệu lực, bao gồm đầy đủ chi phí và không vượt dự toán được phê duyệt.		
8	Cam kết cung cấp hồ sơ thiết bị chịu áp lực và thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động lần đầu nếu thiết bị thuộc diện phải kiểm định.		
9	Hồ sơ nộp đúng thời hạn, có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu theo quy định.		

Chỉ Hồ sơ đề xuất đạt toàn bộ điều kiện bắt buộc mới được đưa vào chấm điểm.

II. TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Mức điểm/Cách đánh giá
1	Chất lượng, kỹ thuật thiết bị	40	40 điểm: đáp ứng đầy đủ, tài liệu chứng minh rõ từng yêu cầu; có chứng nhận chất lượng/tiêu chuẩn và cấu hình được nhà sản xuất xác nhận. 32 điểm: đáp ứng đầy đủ; một số tài liệu không chủ yếu cần làm rõ. 24 điểm: đáp ứng yêu cầu tối thiểu, đã qua bước bắt buộc.
2	Cung ứng, giao nhận, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật	20	20 điểm: chứng minh rõ nguồn cung; tiến độ, khảo sát, lắp đặt, đào tạo, thời gian phản hồi/ khắc phục, bảo trì và linh kiện được lượng hóa, tốt hơn mức tối thiểu. 14 điểm: cam kết đầy đủ nhưng một số nội dung chưa lượng hóa/chưa chứng minh rõ nguồn cung. 8 điểm: chỉ đáp ứng mức tối thiểu.

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Mức điểm/Cách đánh giá
3	Kinh nghiệm, năng lực nhà cung cấp	10	10 điểm: từ 03 hợp đồng tương tự có tài liệu chứng minh, trong đó ít nhất 01 hợp đồng với cơ sở y tế. 6 điểm: có 01-02 hợp đồng tương tự. 2 điểm: chưa chứng minh được hợp đồng tương tự nhưng vẫn chứng minh được khả năng thực hiện.
4	Giá	30	Tính theo Mục III dưới đây.
	Tổng cộng	100	

III. CÁCH TÍNH ĐIỂM GIÁ

1. Điểm giá = (Giá trung bình hợp lệ/Giá của nhà cung cấp đang xét) × 30 điểm; điểm giá không vượt quá 30 điểm. Nhà cung cấp có giá chào bằng hoặc thấp hơn giá trung bình hợp lệ được tính 30 điểm.

2. Giá trung bình hợp lệ là trung bình cộng các giá chào hợp lệ của các nhà cung cấp đáp ứng điều kiện bắt buộc và được đưa vào chấm điểm. Giá dùng để tính điểm là giá trọn gói đã bao gồm toàn bộ thuế, phí và chi phí thực hiện.

3. Trường hợp giá chào thấp bất thường, Bệnh viện yêu cầu giải trình. Nếu không giải trình, giải trình không hợp lý hoặc không chứng minh được khả năng thực hiện, hồ sơ không được xem xét và giá đó không được đưa vào tính giá trung bình hợp lệ. Nếu tiếp tục xem xét, Bệnh viện được áp dụng biện pháp kiểm soát rủi ro trong thương thảo và hợp đồng.

IV. NGUỒN LỰA CHỌN VÀ XẾP HẠNG

1. Nhà cung cấp được đề xuất lựa chọn phải đạt đầy đủ điều kiện bắt buộc, tổng điểm từ 70/100 trở lên và xếp hạng cao nhất.

2. Trường hợp đồng điểm, ưu tiên lần lượt: điểm chất lượng, kỹ thuật cao hơn; điểm cung ứng, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật cao hơn; giá chào thấp hơn.

3. Trường hợp chỉ có 01 nhà cung cấp, vẫn phải đạt tối thiểu 70/100 điểm và có giá hợp lý. Nếu giá quá cao hoặc không bảo đảm hiệu quả, Giám đốc Bệnh viện có quyền quyết định không mua hoặc tổ chức lại việc lựa chọn.

V. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá/Nhận xét
1	Chất lượng, kỹ thuật	40	
2	Cung ứng, giao nhận, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật	20	
3	Kinh nghiệm, năng lực	10	
4	Giá	30	
	TỔNG CỘNG	100	

Người đánh giá: Chữ ký:

Phụ lục IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN THIẾT BỊ

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN
PHỤ SẢN TIỀN GIANG
Số: /HD-BVPSTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG
Mua bán máy hấp tiệt trùng hơi nước ALOPS SS-210

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;

Căn cứ kết quả thương thảo và Hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp.

Hôm nay, ngày ... tháng .. năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, các bên gồm:

BÊN MUA (BÊN A): BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TIỀN GIANG

Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện: Ông Phạm Văn Lực; chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 02733 887 160; mã số thuế: 1200530091.

Tài khoản số: tại

BÊN BÁN (BÊN B):

Địa chỉ:

Đại diện:; chức vụ:

Điện thoại:; mã số thuế:

Tài khoản số: tại

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi Hợp đồng

1. Bên B cung cấp cho Bên A 01 máy hấp tiệt trùng hơi nước mới 100%, cùng đầy đủ cấu hình, phụ kiện, hồ sơ và dịch vụ liên quan. Cụ thể như sau:

a) Thông tin về thiết bị:

- Tên thiết bị: Máy hấp tiệt trùng hơi nước;
- Nhân hiệu/Model: ALOPS/SS-210
- Nước sản xuất: Hàn Quốc;
- Năm sản xuất: 2026;

b) Cấu hình và đặc tính kỹ thuật: theo Phụ lục I Thông báo mời nộp hồ sơ đề xuất.

2. Phạm vi cung cấp bao gồm khảo sát, vận chuyển, bốc xếp, đưa máy vào vị trí, lắp đặt, kết nối, chạy thử, đào tạo, bàn giao, bảo hành, bảo trì và mọi công việc cần thiết để thiết bị được nghiệm thu, đưa vào sử dụng an toàn.

3. Hồ sơ đề xuất, báo giá, tài liệu kỹ thuật, Biên bản thương thảo, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và các phụ lục là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Trường hợp có nội dung khác nhau, thứ tự ưu tiên áp dụng là: Hợp đồng; phụ lục Hợp đồng; Biên bản thương thảo; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn; Thông báo mời nộp Hồ sơ đề xuất; Hồ sơ đề xuất và báo giá của Bên B.

4. Điều kiện riêng trong báo giá hoặc Hồ sơ đề xuất của Bên B trái với Thông báo hoặc Dự thảo hợp đồng không có hiệu lực, trừ khi được Bên A chấp thuận bằng văn bản trong Biên bản thương thảo hoặc Hợp đồng.

Điều 2. Giá trị Hợp đồng

1. Tổng giá trị Hợp đồng: đồng

Bằng chữ:

2. Giá trị trên là giá trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT và toàn bộ chi phí thực hiện nghĩa vụ của Bên B. Bên B không được yêu cầu Bên A thanh toán thêm chi phí phát sinh do khảo sát không đầy đủ hoặc do không lường trước điều kiện thực hiện mà Bên B có trách nhiệm xác định.

Điều 3. Thời gian, địa điểm và tiến độ

1. Bên B hoàn thành giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo và nghiệm thu trong 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, nhưng không quá 120 ngày. Thời gian vận chuyển, nhập khẩu, thông quan và thực hiện các thủ tục liên quan đã được tính trong thời hạn này.

2. Địa điểm: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Bên B gửi tiến độ chi tiết gồm các mốc đặt hàng/sản xuất, vận chuyển, nhập khẩu, giao hàng, lắp đặt, chạy thử, đào tạo và nghiệm thu; định kỳ hoặc khi có nguy cơ chậm tiến độ phải cập nhật, báo cáo Bên A bằng văn bản.

4. Bên B thông báo kế hoạch giao hàng và lắp đặt cho Bên A trước ít nhất 03 ngày làm việc; phối hợp để không làm gián đoạn hoạt động chuyên môn.

Điều 4. Chất lượng, nguồn gốc và hồ sơ hàng hóa

1. Thiết bị mới 100%, chưa qua sử dụng; năm sản xuất đúng Hồ sơ đề xuất; đúng nhãn hiệu, model, xuất xứ, cấu hình và thông số; không tân trang, không thay đổi linh kiện hoặc phụ kiện so với Hồ sơ đề xuất.

2. Khi giao hàng, Bên B cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành của Bộ Y tế cấp, catalogue, CO/CQ đối với thiết bị nhập khẩu, phiếu bảo hành, tài liệu hướng dẫn và hồ sơ kỹ thuật khác theo Phụ lục 01.

3. Bên A có quyền từ chối nhận hoặc yêu cầu thay thế nếu thiết bị/hồ sơ không đúng Hợp đồng. Mọi chi phí khắc phục do Bên B chịu.

Điều 5. Lắp đặt, vận hành thử, đào tạo và nghiệm thu

1. Bên B chịu trách nhiệm khảo sát và xác nhận điều kiện lắp đặt; thực hiện vận chuyển, lắp đặt, kết nối, kiểm tra an toàn và chạy thử theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Bên B đào tạo trực tiếp cho nhân viên Bên A về vận hành, lựa chọn chương trình, theo dõi chu trình, xử lý cảnh báo, vệ sinh và bảo trì thường quy; bàn giao tài liệu tiếng Việt hoặc bản dịch tiếng Việt.

3. Nghiệm thu chỉ được thực hiện khi thiết bị đúng Hợp đồng, đầy đủ cấu hình/hồ sơ, lắp đặt hoàn chỉnh, chạy thử đạt, các chức năng an toàn hoạt động và đào tạo đã hoàn thành. Biên bản nghiệm thu phải ghi rõ số máy/serial, tình trạng, kết quả chạy thử, hồ sơ bàn giao và thời điểm bắt đầu bảo hành.

4. Bên B phải cung cấp thông số áp suất làm việc, hồ sơ/lý lịch buồng hấp. Nếu thuộc danh mục máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, Bên B phải tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu và bàn giao biên bản, giấy chứng nhận, tem kiểm định còn hiệu lực trước khi nghiệm thu; chi phí đã bao gồm trong giá Hợp đồng.

5. Bên A có quyền kiểm tra thực tế, đối chiếu hồ sơ, yêu cầu chạy thử, kiểm định, hiệu chuẩn hoặc kiểm tra chất lượng khi cần thiết. Việc ký biên bản giao nhận không làm mất quyền từ chối nghiệm thu, yêu cầu sửa chữa hoặc thay thế nếu sau đó phát hiện thiết bị không đúng Hợp đồng.

Điều 6. Thanh toán

1. Phương thức: Chuyển khoản.

2. Bên A thanh toán 95% giá trị Hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi ký biên bản nghiệm thu và nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Bên A giữ lại 5% giá trị Hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành; khoản này được thanh toán sau khi hết thời hạn bảo hành và Bên B hoàn thành mọi nghĩa vụ, hoặc được thay thế bằng bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương nếu Bên A chấp thuận.

3. Hồ sơ thanh toán gồm: đề nghị thanh toán; hóa đơn hợp lệ; biên bản giao nhận, lắp đặt, chạy thử, đào tạo và nghiệm thu; hồ sơ nguồn gốc, chất lượng; tài liệu khác theo quy định tài chính của Bên A.

Điều 7. Bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật

1. Thời hạn bảo hành:tháng kể từ ngày nghiệm thu, không được thấp hơn 12 tháng. Bảo hành bao gồm nhân công, linh kiện, vật tư, đi lại và mọi chi phí khắc phục lỗi thuộc trách nhiệm Bên B/nhà sản xuất.

2. Bên B tiếp nhận thông tin sự cố trong 04 giờ làm việc; hỗ trợ từ xa hoặc có mặt xử lý trong 24 giờ. Nếu cần thời gian dài hơn, Bên B phải báo cáo nguyên nhân, phương án và thời hạn khắc phục để Bên A chấp thuận.

3. Bên B thực hiện bảo trì định kỳ theo khuyến cáo nhà sản xuất trong thời hạn bảo hành và cam kết cung cấp linh kiện, vật tư thay thế tối thiểu 05 năm kể từ ngày nghiệm thu.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Kiểm tra, giám sát; yêu cầu Bên B thực hiện đúng Hợp đồng; từ chối thiết bị/hồ sơ không đạt; yêu cầu sửa chữa, thay thế và bồi thường thiệt hại theo quy định.

2. Bố trí đầu môi phối hợp, tạo điều kiện tiếp cận vị trí lắp đặt; tổ chức nghiệm thu và thanh toán khi Bên B hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Cung cấp đúng, đủ và đúng hạn; bảo đảm nguồn gốc, chất lượng, an toàn; tự chịu trách nhiệm về nhân sự, phương tiện và an toàn lao động trong quá trình thực hiện.

2. Không chuyển giao phần nghĩa vụ chính cho bên thứ ba nếu chưa được Bên A chấp thuận; việc chấp thuận không làm giảm trách nhiệm của Bên B.

3. Phối hợp xử lý sự cố, cung cấp hồ sơ thanh toán hợp lệ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hành, bảo trì.

Điều 10. Liêm chính, xung đột lợi ích và bảo mật

1. Bên B cam kết không thông đồng, dàn xếp, nâng giá, ép giá, đưa, nhận hoặc môi giới lợi ích nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp hoặc quá trình thực hiện Hợp đồng; kịp thời thông báo cho Bên A nếu phát sinh xung đột lợi ích.

2. Bên B có trách nhiệm bảo mật thông tin người bệnh, thông tin chuyên môn, tài chính, dữ liệu hệ thống và thông tin nội bộ không công khai mà Bên B biết được trong quá trình thực

hiện Hợp đồng; không sử dụng tên, hình ảnh, logo hoặc dữ liệu của Bên A khi chưa được chấp thuận bằng văn bản.

3. Vi phạm nghĩa vụ liên chính, xung đột lợi ích hoặc bảo mật là vi phạm nghiêm trọng, làm căn cứ để Bên A chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Điều 11. Vi phạm, phạt và bồi thường

1. Nếu Bên B chậm tiến độ do lỗi của mình, mức phạt là 0,05% giá trị phần nghĩa vụ bị chậm cho mỗi ngày chậm, tổng mức phạt không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

2. Nếu thiết bị không đúng Hợp đồng, Bên B phải thay thế/khắc phục trong thời hạn Bên A yêu cầu. Quá thời hạn hoặc vi phạm nghiêm trọng, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng, lựa chọn nguồn cung khác và yêu cầu Bên B chịu chi phí chênh lệch, bồi thường thiệt hại thực tế.

3. Phạt vi phạm không loại trừ nghĩa vụ tiếp tục thực hiện, hoàn trả và bồi thường thiệt hại.

Điều 12. Giá chào thấp bất thường (nếu áp dụng)

Trường hợp giá của Bên B đã được xác định là thấp đáng kể so với mặt bằng nhưng được chấp nhận sau giải trình, các biện pháp kiểm soát sau được áp dụng theo kết quả thương thảo: không tạm ứng; thanh toán sau nghiệm thu; tăng cường kiểm tra nguồn gốc, cấu hình và chạy thử; quy định chặt thời hạn khắc phục; Bên A được chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B không chứng minh hoặc không bảo đảm khả năng thực hiện theo giá đã chào.

Điều 13. Bất khả kháng

Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản trong thời gian sớm nhất, cung cấp tài liệu chứng minh và áp dụng biện pháp hạn chế thiệt hại. Hai bên thỏa thuận điều chỉnh tiến độ phù hợp; bất khả kháng không miễn nghĩa vụ đã phát sinh trước sự kiện.

Điều 14. Tạm ngừng, chấm dứt Hợp đồng

1. Bên A có quyền tạm ngừng thực hiện Hợp đồng khi thiết bị, hồ sơ, tiến độ hoặc phương án thực hiện của Bên B có dấu hiệu không bảo đảm yêu cầu, ảnh hưởng hoạt động chuyên môn hoặc an toàn.

2. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B vi phạm nghiêm trọng về chủng loại, chất lượng, nguồn gốc, tiến độ; không khắc phục đúng hạn; cung cấp tài liệu không trung thực; không còn khả năng thực hiện; giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Việc chấm dứt không ảnh hưởng quyền yêu cầu phạt, bồi thường, hoàn trả và lựa chọn nguồn cung khác.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

Tranh chấp được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Nếu không giải quyết được, một bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 16. Hiệu lực và điều khoản chung

1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký. Mọi sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản và do đại diện hợp pháp của hai bên ký.

2. Hợp đồng được lập thành 05 bản; các bản có giá trị như nhau; Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO

Căn cứ Hợp đồng số/HĐ-BVPSTG ngày tháng năm 2026; hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, các bên tiến hành kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao thiết bị.

I. THÀNH PHẦN

1. Đại diện Bên A:
2. Đại diện Bên B:

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

ST T	Nội dung kiểm tra	Kết quả	Nhận xét/Tài liệu
1	Nhãn hiệu, model, xuất xứ, năm sản xuất, số serial		
2	Tình trạng mới 100%, ngoại quan, nguyên đai/nguyên kiện		
3	Kích thước, buồng, khay, vật liệu và cấu hình đồng bộ		
4	Điều khiển, màn hình, cảm biến, chương trình và hiển thị		
5	Tạo hơi, chân không trước, Steam Ejector và sấy		
6	Khóa cửa, van an toàn, cảnh báo và chức năng tự chẩn đoán		
7	Nguồn điện, cấp nước, thoát nước và điều kiện lắp đặt		
8	Kết quả chạy thử chu trình và chức năng an toàn		
9	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng và bảo trì thường quy		
10	Hồ sơ pháp lý, CO/CQ, catalogue, bảo hành, tài liệu kỹ thuật		
11	Hồ sơ/lý lịch thiết bị chịu áp lực; kết quả và tem kiểm định kỹ thuật an toàn lao động nếu thuộc diện phải kiểm định		

III. KẾT LUẬN

☐ Đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.

☐ Chưa đạt yêu cầu; nội dung cần khắc phục:

Thời điểm bắt đầu bảo hành: từ ngày tháng năm 2026 đến hết ngày tháng năm

Biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau, các bên đã đọc, thống nhất và ký xác nhận./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ PHẬN KỸ THUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)